

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thị Loan**

2. Ngày tháng năm sinh: **04/08/1983**; Nam;  Nữ; Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Công Liêm, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 06 Phố Ngô Đức, Khu Đô Thị Đông Sơn, Phường An Hưng, Thành Phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.

6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 06 Phố Ngô Đức, Khu Đô Thị Đông Sơn, Phường An Hưng, Thành Phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.

Điện thoại nhà riêng: 02373.759.569 Điện thoại di động: 0918.816.569.

E-mail: [nguyenloan@hdu.edu.vn](mailto:nguyenloan@hdu.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 8/2006- đến 3/2008: Nhân viên phòng kinh doanh, Doanh nghiệp Tiến Nông (nay là Công ty cổ phần công nông nghiệp Tiến Nông, Thanh Hoá)

- Từ 3/ 2008 đến 2/2013: Giảng viên Bộ môn QTKD, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hồng Đức.

- Từ 2/2013 đến 4/2017: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn QTKD, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hồng Đức.

- Từ 4/ 2017 đến 4/2022: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn QTKD, Phó giám đốc Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hồng Đức.

- Từ 4/2022 đến nay: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hồng Đức.

- Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn QTKD.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Hồng Đức
- Địa chỉ cơ quan: Số 565 Quang Trung - Phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hoá.
- Điện thoại cơ quan: 02373. 910.222
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 25 tháng 07 năm 2006; số văn bằng: 752579; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: QTKD; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 12 tháng 04 năm 2008; ngành: QTKD, chuyên ngành: QTKD; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Impac, Hoa Kỳ (Được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp Chứng nhận kiểm định chất lượng).

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 06 năm 2019; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: QTKD; Nơi cấp bằng TS Trường Đại học Southern Luzon, Philippines (Được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp Chứng nhận kiểm định chất lượng).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hồng Đức.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng thứ nhất: Quản trị và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).**

Xu hướng toàn cầu hoá và sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư đã tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đem đến không ít thách thức, áp lực cạnh tranh mới đối với DNNVV, lực lượng doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất và là động lực quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, đòi hỏi các DNNVV phải không ngừng đổi mới, cải tiến và thích ứng linh hoạt. Vì vậy, nghiên cứu về *Quản trị và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa* đã và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của các học giả, nhà nghiên cứu, nhà quản trị trong và ngoài nước. Với mục tiêu tìm kiếm giải pháp tốt nhất cho hoạt động quản trị và phát triển DNNVV, tôi đã tập trung phân tích môi trường kinh doanh và những tác động của nó đến hoạt động của DNNVV; đánh giá năng lực cạnh tranh và năng lực chuyển đổi số của DNNVV cũng như những tác động của các yếu tố này đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu các hoạt động quản trị nhân sự, quản trị bán hàng, marketing, quản trị kết quả hoạt động của DNNVV. Bên cạnh đó cũng tập trung nhiều thời lượng để phân tích nhân tố tác động đến hoạt động khởi nghiệp và phát triển DNNVV trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Liên quan đến hướng nghiên cứu này, tôi đã công bố 21 bài báo theo số thứ tự trong Mẫu 1 là: [1, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11, 12, 13, 15, 18, 20, 23, 24, 28, 30, 37, 38, 39, 42], Trong đó, là tác giả chính của 3 bài báo quốc tế uy tín công bố trên tạp chí ISI/WoS, Scopus số thứ tự [28, 38, 42]; Chủ nhiệm 01 đề tài cơ sở số thứ tự [1]; thành viên 03 đề tài có số thứ tự là [2, 4 & 5], biên soạn 03 tài liệu tham khảo số thứ tự [1, 2, 4], hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ chuyên ngành QTKD có số thứ tự [1, 2 & 6].

- **Hướng thứ hai: Năng lực quản trị và hành vi.** Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 và xu hướng hội nhập quốc tế mạnh mẽ tác động đến lớn đến mọi khía cạnh của nền kinh tế,

trong đó có doanh nghiệp, năng lực của nhà quản trị và hành vi của khách hàng. Chính sự biến động thường xuyên của môi trường kinh doanh và sự thay đổi không ngừng nhu cầu đa dạng của khách hàng đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những năng lực quản trị phù hợp để thích ứng linh hoạt và phát triển bền vững. Với hướng nghiên cứu này, tôi tập trung đánh giá năng lực của nhà quản trị, đặc biệt là giám đốc DNNVV; các yếu tố tác động năng lực quản trị; mối quan hệ giữa năng lực quản trị và hiệu quả điều hành doanh nghiệp từ đó đề xuất các giải pháp phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó cũng tập trung nghiên cứu về hành vi, nhân tố tác động đến hành vi của cá nhân, khách hàng trong quá trình hình thành ý định và ra quyết định mua hàng, hành vi ứng dụng công nghệ số hoặc khởi nghiệp nhằm có những hiểu biết sâu sắc về hành vi khách hàng đặc biệt là nhóm khách hàng trẻ, khách hàng tiềm năng thế hệ Z (Gen Z).

Liên quan đến hướng nghiên cứu này, ứng viên đã công bố 20 bài báo theo số thứ tự trong Mẫu 1 là [2, 8, 9, 17, 19, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 29, 31, 33, 34, 35, 36, 40, 41, 43], trong đó, là tác giả chính của 4 bài báo đăng trên tạp chí ISI/WoS, Scopus số thứ tự [19, 26, 33, 40]; Chủ nhiệm 01 đề tài có số thứ tự [3]; Tham gia thành viên chính 01 đề tài có số thứ tự [6]; hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ chuyên ngành QTKD có số thứ tự [3, 4 & 5].

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn **06** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài **06** đề tài, dự án NCKH các cấp, trong đó Chủ nhiệm **02** đề tài cấp cơ sở, thành viên 01 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh và 01 đề án cấp Quốc gia đã nghiệm thu. Hiện đang là chủ nhiệm **01** đề tài cấp bộ đang thực hiện.
- Đã công bố 43 bài báo khoa học, trong đó là tác giả chính của **07** trong **11** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/WoS và Scopus có số thứ tự trong Mẫu 1: [19], [26], [28], [33], [38], [40], [42].
- Đã xuất bản 04 cuốn sách tham khảo (02 cuốn là Đồng chủ biên và 02 cuốn là Đồng tác giả), trong đó có 03 cuốn được xuất bản bởi NXB có uy tín ở Việt Nam.

#### **15. Khen thưởng:**

- Bằng khen của Tỉnh đoàn Thanh Hoá vì có thành tích xuất sắc công tác tổ chức cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp trong đoàn viên thanh niên tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2017-2022”, kèm theo quyết định số 30-QĐ/TĐTN-ĐKTHTN ngày 22/12/2022.
- Giấy khen của Hiệu trưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ (năm học 2016-2017; 2018-2019; 2021-2022); Giấy khen của Công đoàn trường vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2015-2016; 2018-2019); Giấy khen của Đảng bộ trường Đại học Hồng Đức vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022.
- Nhiều năm liền đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Công dân kiểu mẫu, lao động tiên tiến, xuất sắc.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Tháng 3 năm 2008 tôi đã dự kỳ thi tuyển Giảng viên vào trường Đại học Hồng Đức và được phân công về công tác tại Khoa Kinh tế - QTKD. Là một giảng viên, tôi luôn tự hào với nghề mình đã lựa chọn, luôn dành toàn bộ tâm huyết, nỗ lực cao nhất hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp sức lực và trí tuệ cho sự phát triển chung của Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh và Trường đại học Hồng Đức. Trong quá trình công tác tôi luôn nhận được sự quan tâm chỉ dạy và tin tưởng từ lãnh đạo, đồng nghiệp, học viên và sinh viên. Bằng sự phấn đấu không ngừng nghỉ tôi đã trưởng thành và được tin tưởng giao các nhiệm vụ chính quyền và đoàn thể như Phó bộ môn quản trị kinh doanh; Phó giám đốc Trung tâm bồi dưỡng kiến thức Quản lý kinh tế; Ủy viên Ban thường vụ đoàn trường; Chủ nhiệm Câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai. Đáp lại sự tin tưởng đó, tôi luôn không ngừng rèn luyện, cống hiến, hoàn thành tốt và xuất sắc chức trách nhiệm vụ được giao. Đối chiếu với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá như sau:

**Về tư tưởng chính trị:** Tôi là người có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối cách mạng của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước. Chấp hành sự phân công của tổ chức, nghiêm túc thực hiện các quy định về những điều đảng viên không được làm, thực hiện tốt nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị. Dù ở cương vị nào, tôi đều nêu cao tính tiên phong gương mẫu trong việc vận động đồng nghiệp, học viên, sinh viên cũng như gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, luôn giữ mối liên hệ với cấp ủy cơ sở, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân.

**Về đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc:** Có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, giản dị, luôn tâm huyết và sáng tạo trong hoạt động chuyên môn, thân thiện và tôn trọng đồng nghiệp, học viên, sinh viên và nhân dân nơi cư trú. Không ngừng nỗ lực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, giảng viên. Luôn năng động, sáng tạo, linh hoạt dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ trên nguyên tắc phát huy tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, sinh viên và tổ chức.

**Về công tác giảng dạy và phát triển CTĐT:** Nhận thức rõ vai trò của người giảng viên trong trường đại học, tôi luôn tích cực chủ động tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo khối ngành kinh tế từ bậc đại học đến sau đại học tại Trường Đại học Hồng Đức, tham gia hướng dẫn và Hội đồng đánh giá Luận án tiến sĩ, Luận văn cao học tại Trường Đại học Hồng Đức và các trường đại học, học viện trong nước; tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho các tổ chức, doanh nghiệp như trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình giảng dạy tôi luôn nỗ lực, tâm huyết và sáng tạo nhằm tìm ra phương pháp giảng dạy khoa học, tiên tiến và phù hợp nhất đối với người học từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao sự hài lòng của người học và sự phản hồi tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp. Hàng năm, giờ giảng trực tiếp trên lớp luôn vượt định mức quy định. Bên cạnh giảng dạy, tôi cũng tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong xây dựng mới và phát triển các chương trình đào tạo (Đại học QTKD, Đại học Quản trị khách sạn, Thạc sỹ QTKD, và Tiến sĩ QTKD).

**Về nghiên cứu khoa học:** NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên, góp phần vào quá trình phát triển tri thức và tìm kiếm các giải pháp hữu ích cho cuộc sống, vì vậy tôi luôn dành nhiều tâm huyết và thời gian để tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề có tính

cấp thiết và ý nghĩa khoa học cao. Hàng năm, tôi luôn hoàn thành vượt định mức theo quy định. Chủ trì và tham gia nhiều đề tài các cấp như: Đã hoàn thành chủ nhiệm 02 đề tài cấp cơ sở, thành viên 01 đề tài cấp Bộ, 2 đề tài cấp Tỉnh đều đã nghiệm thu đạt loại Xuất sắc và 01 đề án cấp Quốc gia đã nghiệm thu, hiện đang chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ. Công bố 43 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội thảo quốc tế, trong đó tôi là tác giả chính của 7 trong 11 bài được công bố trên các tạp chí uy tín thuộc danh mục Web of science/ISI, Scopus. Ngoài ra tôi cũng là thành viên của nhóm “Nghiên cứu chính sách và phát triển kinh tế địa phương - tỉnh Thanh Hoá” được thành lập năm 2019, đã có nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị, làm căn cứ đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Tỉnh Thanh Hoá trong thời kỳ Covid 19. Bản thân luôn dành thời gian và tâm huyết để truyền lửa, hướng dẫn cho các thế hệ sinh viên nghiên cứu khoa học, nhiều công trình nghiên cứu của sinh viên do tôi hướng dẫn đã đạt giải ba cấp Bộ, giải nhất, nhì cấp cơ sở. Tôi đã nhiều lần được nhận giấy khen của Hiệu trưởng vì có thành tích xuất sắc trong NCKH.

**Hoạt động phục vụ cộng đồng và công tác khác:** Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tham gia đề án “Đào tạo và nâng cao năng lực quản trị cho giám đốc doanh nghiệp du lịch đáp ứng chuẩn quốc tế trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2017-2020”; tham gia cộng đồng hỗ trợ và tư vấn khởi nghiệp cho đoàn viên thanh niên trong tỉnh (trực tiếp hướng dẫn gần 30 dự án khởi nghiệp cho sinh viên và thanh niên trong tỉnh từ năm 2017 đến năm 2022); tham gia các khóa đào tạo về khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân theo Đề án phát triển doanh nghiệp của Tỉnh (từ 2018 đến 2022); tham gia các hoạt động phong trào, đoàn thể của Khoa và Nhà trường. Với những đóng góp đó, tôi đã vinh dự nhận được Bằng khen của Tỉnh Đoàn Thanh Hoá vì đã có thành tích xuất sắc trong hỗ trợ cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp trong đoàn viên thanh niên tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2017-2022, cùng nhiều giấy khen trong các hoạt động đoàn thể khác. Nhiều dự án khởi nghiệp do tôi hướng dẫn dự thi cấp Trường, Tỉnh và Bộ đã đạt giải Nhất, Nhì, Ba.

**Đánh giá chung:** Trong quá trình 15 năm 3 tháng công tác và giảng dạy tại Trường Đại học Hồng Đức tôi luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, đảm bảo tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 3 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2017-2018				0	168	0	168/244,43/152
2	2018-2019				1	168	0	168/240,7/189
3	2019-2020				0	42	84	126/138,24/91,8
<b>03 năm học cuối</b>								
4	2020-2021			1	1	84	126	210/276,1/229,5
5	2021-2022			2	1	0	210	210/358,4/229,5
6	2022-2023			3	0	10	189	199/384,45/229,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### **3. Ngoại ngữ:**

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: Cộng hoà Philippines, tháng 5/2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Bằng đại học Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác;  Diễn giải: Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Không

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Không

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Không

3.2. Tiếng Anh: IELTS, Bằng đại học Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội, số bằng 022001; số vào sổ 9417-TA, năm cấp: 2013.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Hoàng		x	x		1/2021-7/2021	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 1909/QĐ-ĐHHD ngày 4/10/2021
2	Lê Quang Hiệp		x	x		8/2021-3/2022	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 2263/QĐ-ĐHHD ngày 6/10/2022
3	Tổng Văn Định		x	x		8/2021-3/2022	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 2263/QĐ-ĐHHD ngày 6/10/2022
4	Lê Thọ Quân		x	x		7/2022-1/2023	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 851/QĐ-ĐHHD ngày 17/04/2023
5	Lê Văn Sang		x	x		7/2022-1/2023	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 851/QĐ-ĐHHD ngày 17/04/2023
6	Nguyễn Xuân Sang		x	x		7/2022-1/2023	Trường Đại học Hồng Đức	Quyết định cấp bằng số 851/QĐ-ĐHHD ngày 17/04/2023

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>							
<b>II Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>							
1	Câu hỏi và Bài	HD	NXB Đại học Kinh	05	Đồng	Chương	Quyết định số 2637/QĐ-ĐHHD

	tập Quản trị doanh nghiệp		tế Quốc dân, 2019, ISBN: 978-604-946-657-1		chủ biên	1,4,6&7 (trang 6-26; 78-110; 129-144; 145-164).	ngày 25/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc giao nhiệm vụ biên soạn tài liệu dạy học. Quyết định số 1136/QĐ-ĐHHĐ ngày 19/07/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc phê duyệt và sử dụng tài liệu dạy học. Quyết định số 1563/QĐ-ĐHHĐ ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng ĐHHĐ về việc phê duyệt và sử dụng tài liệu dạy học tại Trường Đại học Hồng Đức. Giấy xác nhận ngày 20/6/2023 của Hiệu trưởng về việc sử dụng tài liệu dạy học tại trường Đại học Hồng Đức.
2	Câu hỏi và bài tập Quản trị sản xuất	HD	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023, ISBN: 978-604-330-707-8	3	Đồng chủ biên	Chương 5,7&8 (trang 100-117; 136-163; 164-183)	Quyết định số 608/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/3/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc giao nhiệm vụ biên soạn tài liệu dạy học. Quyết định số 414/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/03/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc phê duyệt và sử dụng tài liệu dạy học. QĐ số 235/QĐ-NXB ĐHKQTĐ ngày 28/3/2023 Quyết định xuất bản/tái xuất bản phẩm. Giấy xác nhận ngày 20/6/2023 của Hiệu trưởng về việc sử dụng tài liệu dạy học tại trường Đại học Hồng Đức.
3	Thu hút vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển du lịch Thanh Hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.	TK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, ISBN: 978-604-946-759-2	7	Đồng tác giả	(trang 50-63)	Quyết định số 552/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc giao nhiệm vụ biên soạn tài liệu dạy học. Quyết định số 2076/QĐ-ĐHHĐ, ngày 16/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc phê duyệt và sử dụng tài liệu dạy học cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.



							Giấy xác nhận ngày 20/6/2023 của Hiệu trưởng về việc sử dụng tài liệu dạy học tại trường Đại học Hồng Đức.
4	Cẩm nang Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Tỉnh Thanh Hóa phục hồi hoạt động Sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19.	TK	NXB Thanh Hoá, 2023 ISBN 978-604-5579-9	3	Đồng tác giả	Phần II, II, V (trang 47-62; 80-89; 114 -129)	Giấy xác nhận ngày 20/6/2023 của Hiệu trưởng về việc sử dụng tài liệu dạy học tại trường Đại học Hồng Đức.

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ đãi ngộ người lao động giai đoạn hậu cổ phần hoá tại một số doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Thanh Hoá.	CN	ĐT-2011 Cấp cơ sở Trường Đại học Hồng Đức	2011-2012	Quyết định số 1974/QĐ-ĐHHD ngày 30/11/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài NCKH Xếp loại: <b>Khá</b>
2	Phát triển các hình thức liên kết trong hoạt động tiêu thụ nông sản ở các huyện miền núi Tỉnh Thanh Hóa	Thành viên	B2015-42-31 Cấp Bộ GD & ĐT	2015-2017	Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ đề tài KHCN cấp Bộ ngày 09/11/2017 Xếp loại: <b>Xuất sắc</b>

II		Sau khi được công nhận TS			
3	Nghiên cứu năng lực lãnh đạo của giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	CN	ĐT-2018 Cấp cơ sở Trường Đại học Hồng Đức	2017-2018	Quyết định số 118/QĐ-ĐHHD ngày 18/01/2019 của của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài NCKH Xếp loại: <b>Xuất sắc</b>
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Thành viên	037.ĐT. 50499.01.18 Cấp Tỉnh (UBND tỉnh Thanh Hóa)	2018-2020	Quyết định số 133/QĐ-SKHHCN ngày 15/04/2021 về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài KHCN cấp tỉnh; Giấy chứng nhận số 466/GCN-SKHHCN ngày 14/4/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. SDK: 037.ĐT.50499.01.18-2021.16/KQNC Xếp loại: <b>Xuất sắc</b>
5	Hỗ trợ hoạt động, liên kết các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị xã hội.	Thành viên	844.03.NV02 . ĐHHĐ.03-19 Cấp Quốc gia (Thuộc đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 - Đề án 844)	2019-2020	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước số 2022-37T-0906/NS-KQNC ngày 26/8/2022 Xếp loại: <b>Tốt</b>
6	Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu điểm đến du lịch khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa	Thành viên	037.ĐT.599.0 6.20-2023.07 Cấp Tỉnh (UBND tỉnh	2020-2022	Quyết định số 119/QĐ-SKHHCN Thanh Hoá, về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài KHCN cấp tỉnh.

			Thanh Hóa)		Giấy chứng nhận: Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. SDK: 037.ĐT.599.06.20-2023.07/KQNC Xếp loại: <b>Xuất sắc</b>
7	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	CN	B2023-HDT-02 Cấp Bộ GD & ĐT	2023-2024 <b>Đang thực hiện</b>	Quyết định 222/QĐ-BGDĐT ngày 12/01/2023 của Về việc phê duyệt Danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ thực hiện từ năm 2023 của Trường Đại học Hồng Đức. Hợp đồng số 40/HĐ-ĐHHĐ ngày 16/1/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ về Thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I.</b>	<b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>							
1.	Chiến lược phát triển cho các làng nghề cói trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	02	x	Tạp chí Kinh tế Phát triển ISSN 1859-0012			Vol.182 (II) 80-85	8/2012
2.	Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát	02	x	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756			Vol.1 7-11,19	06/2014

	triển thương mại điện tử trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa							
3.	Market potential and reality application of digital marketing in Vietnam enterprise during current periods	01	x	International conference: Marketing in the connected age MICA, Cork institute of technology, Institute University of technology. ISBN: 978-604-84-1836-6			240-246	10/2016
4.	Nghiên cứu nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Thanh Hoá	02	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Vol.242 (II) 134-144	8/2017
5.	Analyzing the Business Environment of Small and Medium Enterprises (SMEs) in the Tourism Sector in Thanh Hoa, Vietnam	01	x	Global Journal of Contemporary Research in Accounting, Auditing and Business Ethics ISSN: 2311-3162			Vol.3 (1) 525-541	12/2017
6.	Factors affecting business success of agri based exporting enterprises in Thanh Hoa Province, Vietnam.	01	x	International Conference on Business, Management and Accounting Processing The 5th 2018 IBSM - ISBN: 978-602-72911-6-4			907-918	04/2018
7.	The Effect of Internal and External Factors on the Business Success of Agri-based Exporting Small and Medium Scale Enterprises in	01	X	Journal of Finance and Economics ISSN(Print): 2328-7284 ISSN(Online): 2328-7276			Vol.6 (3) 87-95	6/2018

	Thanh Hoa Province, Vietnam							
<b>II.</b>	<b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>							
8.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo của giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Thanh Hoá.	02	x	Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			Vol.36, 29-32	12/2018
9.	Research Leadership Capacity of Small and Medium-sized Enterprise Directors: The Case Study in Thanh Hoa Province, Vietnam.	02	x	Journal of Business and Management Sciences. ISSN(Print): 2333-4495 ISSN(Online): 2333-4533			Vol.7 (1) 12-18	01/2019
10.	Tác động của đại dịch covid-19 đến hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và một số khuyến nghị chính sách.	03		Tạp chí Tài chính ISSN: 2615-8973			Vol.2 (729) 128-131	5/2020
11.	Policy related factors affecting the survival and development of SMEs in the context of Covid 19 pandemic.	05		Management Science Letters, ISSN: 1923-9335, E-ISSN: 1923-9343,	<b>Scopus Q3 H- Index 17</b>		Vol.10 (15) 3683-3692	6/2020
12.	Tác động của đại dịch Covid-19 đến doanh nghiệp sản xuất: Trường hợp nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	03		Tạp chí Nghiên cứu tài chính, kế toán ISSN: 1859 – 4093.			Vol.7 (204) 65-69	07/2020
13.	Tác động của đại dịch Covid-19 đến các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Khuyến nghị các giải pháp	04	x	Tạp chí Kinh tế và ngân hàng Châu Á ISSN: 2615-9813			Vol.175 98-110	10/2020

	phục hồi và phát triển.							
14.	Công tác kiểm tra Thuế TNDN tại Chi cục Thuế khu vực Thành phố Sầm Sơn - Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá	02	x	Tạp chí khoa học Trường đại học Hồng Đức ISSN: 1859-2759			Vol.53. 2021 46-56	02/2021
15.	Cơ hội phát triển kinh tế ban đêm trong lĩnh vực du lịch, nghiên cứu tình huống tại Thanh Hoá	02	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Vol.18 (772) 78-81	6/2021
16.	Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái cộng đồng: Thực trạng và giải pháp góp phần xây dựng thương hiệu điểm đến du lịch miền núi.	02	x	Tạp chí Nghiên cứu tài chính, kế toán ISSN: 1859 – 4903.			Vol.7 (216) 54-58	7/2021
17.	Determinants Influencing Management Competency of Small and Medium Enterprise Directors in Vietnam.	05		Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN(Print): 2288-4637 ISSN(Online): 2288-4645	<b>ISI/ WoS ESCI</b>		Vol.8 (12) 107-115	12/2021
18.	Nghiên cứu đề xuất chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần Person Life Việt Nam trong trong giai đoạn 2022-2025	02		Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN:1859-4972			Vol.09 79-82	03/2022
19.	Role of Entrepreneurial Competence, Entrepreneurial Education, Family Support and Entrepreneurship Policy in Forming Entrepreneurial	02	x	Pakistan Journal of Commerce and Social Sciences ISSN: 1997-8553; 2309-8619	<b>Scopus Q3 H- Index 12</b>		Vol.16 (1) 204-221	03/2022

	Intention and Entrepreneurial Decision							
20.	Should I Stay or Should I Go? Explaining the Turnover Intentions with Corporate Social Responsibility (CSR), Organizational Identification and Organizational Commitment	06		Sustainability ISSN: 2071-1050	<b>WoS- SCEI, SSCI/ Scopus Q1 IF=3.25 1</b>		Vol.14 (6030) 1-16	5/2022
21.	Determinants of Gen Z online buying behavior: A quantitative research.	02		Asian journal of applied science and technology ISSN: 2456-883X			Vol.6 (2) 36-48	06/2022
22.	The Effect of Perceived Benefits and Trust on Gen Z's Online Shopping Behavior.	01	x	Journal of Behavioural Economics, Finance, Entrepreneurship, Accounting and Transport ISSN (Print): 2376-1326 ISSN (Online): 2376-1334			Vol.10 (1) 10-16	7/2022
23.	Factors Affecting Business Performance of Women-Owned Small and Medium Enterprises in Vietnam: A Quantitative Study	03		Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 E- ISSN: 2288- 4645	<b>ISI/ WoS</b>		Vol.9 (7) 123-133	07/2022
24.	Hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại Cơ sở Cai nghiện ma túy Số 1 Thanh Hóa	03	X	Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức ISSN: 1859-2759			Vol.60 61-70	8/2022
25.	Perceived risk, trust, and online shopping behavior of Gen Z in	01	x	International conference: Local economic and			302-312	9/2022

	the Pre and Post COVID 19 Pandemic			Social development in the Covid 19 era. ISBN:978-604-330-467-1				
26.	The intention to use mobile applications in tourism among Gen Z in Vietnam: The effect of technological readiness and technology acceptance factors.	04	x	Journal of Organizational Behavior Research. ISSN: 2528-9705	<b>ISI/ WoS (ESCI)</b>		Vol.7 (2) 290-309	9/2022
27.	Sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công: Nghiên cứu tình huống tại UBND xã Vạn Hoà, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá	02	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Vol.36 81-84	12/2022
28.	Entrepreneurial Orientation affecting the performance of women owned SMEs: Evidence from Vietnam from Vietnam	01	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637 E- ISSN: 2288-4645	<b>ISI/ WoS ESCI<sup>1</sup></b>		Vol.10 (1) 223-232	1/2023
29.	Factors Influencing Women's Involvement in Entrepreneurship: A Qualitative Study	01	x	Journal of Economics, Finance and Management Studies (JEFM) ISSN (Print): 2644-0490 ISSN (online): 2644-0504			Vol.6 (1) 182-188	1/2023
30.	Thúc đẩy chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh	01	x	Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán ISSN: 1859 –			Vol.2 (235) 65-69	2/2023

<sup>1</sup> Thuộc danh mục ISI/WoS (ESCI) đến tháng 3/2023



	tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.			4093 .				
31.	The Relationship Between Tourism Service Quality, Tourist's Satisfaction and Loyalty: A Study by Using Smart PLS-Sem Approach.	03	x	Journal of Behavioural Economics, Finance, Entrepreneurship, Accounting and Transport ISSN (Print): 2376-1326 ISSN (Online): 2376-1334			Vol.11 (1) 1-7	2/2023
32.	Solutions to Attract Businesses to Choose Investment in the Nghi Son Economic Zone (Vietnam) in Post-Covid 19 Period.	02	x	Journal of Economics, Finance and Management Studies ISSN (print): 2644-0490, ISSN (online): 2644-0504.			Vol.6(3) 1154-1159	3/2023
33.	The impacts of management competence on small and medium-sized enterprises performance: from the balanced scorecard perspective.	03	x	Przestrzeń Społeczna (Social Space) ISSN: 2084-1558	<b>Scopus Q2</b>		Vol.23 (1) 148-172	3/2023
34.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn nhà hàng của thực khách: nghiên cứu ứng dụng mô hình PLS-SEM	03	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN 1859-0012			Vol.310 84-94	4/2023
35.	Hành vi sử dụng ứng dụng di động trong du lịch của thế hệ Gen Z: Kết quả khảo sát tại Việt Nam	03	x	Tạp chí Nghiên cứu tài chính, kế toán. ISSN: 1859 – 4093.			Vol.237 (1) 51-57	4/2023

36.	Generation Z's Travel Trend and Behavior: A Systematic Literature Review.	02	x	Journal of Economics, Finance and Management Studies ISSN (print): 2644-0490, ISSN (online): 2644-0504.			Vol.06 (4) 1511-1519	4/2023
37.	Thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	02	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Vol.13 (840) 99-103	5/2023
38.	Business Linkage and Performance of Small and Medium-sized Enterprises: A case Study of Enterprises Engaged in Exporting Agricultural Products.	03	x	Nurture Online ISSN: 1994-1633/ Print ISSN: 1994-1625	<b>Scopus Q4</b>		Vol.17(3) ) 194-207	5/2023
39.	Nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Vol.15 (842) 50-54	5/20223
40.	Does University Business Incubator Boost Entrepreneurial Intention and Entrepreneurial Decision among Students: A case study in Vietnam	01	x	Journal of Namibian Studies ISSN: 2197-5523 (online)	<b>Scopus Q3</b>		Vol.33(S2) 1945-1964	5/2023
41.	Conflict identification and management at community-based tourism destinations - an important solution in the sustainable	01	x	International conference Proceedings: Green economic development in Vietnam			Vol.1 657-671	5/2023

	tourism development strategy.			ISBN: 978-604-55-7851-3				
42.	Do innovation and proactiveness impact the business performance of women-owned small and medium-scale enterprises in Vietnam? A study using the PLS-SEM approach.	04	x	Nurture Online ISSN: 1994-1633/ Print ISSN: 1994-1625	<b>Scopus Q4</b>		Vol.17 (3) 253-271	6/2023
43.	Perceived barriers, self-efficacy, and social entrepreneurial intention: an empirical study among Vietnamese undergraduates	04	x	17th NEU-KKU International Conference Socio-Economic and Environmental issues in Development (ICSEED) ISBN: 978-604-79-3740-0 France Publishing House.			2041-2053	6/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là **tác giả chính sau TS: 07 bài trên tạp chí khoa học quốc tế** uy tín thuộc danh mục ISI/WoS và Scopus có số thứ tự trong Mẫu 1: [19], [26], [28], [33], [38], [40], [42].

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Không**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Ban chỉ đạo thực hiện đề án Đào	Thành viên	Quyết định số	Trường ĐH	Quyết định 682/QĐ-ĐHHD ngày 7/5/2018 về việc mở

	<p>tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản trị doanh nghiệp du lịch theo mô hình chuẩn quốc tế giai đoạn 2017-2020, năm 2018.</p>		<p>648/QĐ-ĐHHĐ ngày 2/5/2018 của Hiệu trưởng</p>	<p>Hồng Đức</p>	<p>lớp bồi dưỡng. Quyết định số 768/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/5/2018 về việc công nhận kết quả khoá học. Công văn số 309/ĐHHĐ -KT.QTKD ngày 5/6/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đề án năm 2018.</p>
2	<p>Nhóm nghiên cứu chính sách và phát triển kinh tế địa phương</p>	<p>Thành viên</p>	<p>Quyết định số 926/QĐ-ĐHHĐ ngày 11/06/2019 của Hiệu trưởng</p>	<p>Trưởng ĐH Hồng Đức</p>	<p>Nghiên cứu tác động của đại dịch Covid 19 đến cộng đồng doanh nghiệp - Hàm ý giải pháp chính sách.</p>
3	<p>Ban đề án mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành QTKD</p>	<p>Thư ký</p>	<p>Quyết định số 1521/QĐ-ĐHHĐ ngày 7/7/2022 của Hiệu trưởng</p>	<p>Trưởng ĐH Hồng Đức</p>	<p>Quyết định số 1989 /QĐ-ĐHHĐ ngày 8/9/2022 về việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành QTKD tại Trường Đại học Hồng Đức.</p>
4	<p>Ban soạn thảo CTĐT trình độ tiến sĩ chuyên ngành QTKD</p>	<p>Thư ký</p>	<p>Quyết định số 1522/QĐ-ĐHHĐ ngày 7/7/2022 của Hiệu trưởng</p>	<p>Trưởng ĐH Hồng Đức</p>	<p>Quyết định số 1871/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/8/2022 về việc ban hành CTĐT Trình độ Tiến sĩ QTKD</p>
5	<p>Ban xây dựng đề án liên kết đào tạo với nước ngoài chuyên ngành QTKD giữa Trường ĐH Hồng Đức và</p>	<p>Thư ký</p>	<p>Quyết định số 1540/QĐ-ĐHHĐ ngày 8/7/2022 của Hiệu</p>	<p>Trưởng ĐH Hồng Đức</p>	<p>Quyết định số 1436/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2023 về việc đào tạo cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành QTKD giữa trường ĐH Hồng Đức (Việt Nam) và trường ĐH Khoa học ứng dụng Anhalt</p>

	Trường ĐH Khoa học ứng dụng Anhalt, CHLB Đức.		trưởng		(CHLB Đức).
6	Hội đồng xây dựng CTĐT đại học, ngành Quản trị khách sạn.	Thành viên	Quyết định số 338/QĐ-ĐHHD ngày 21/2/2023 của Hiệu trưởng	Trưởng ĐH Hồng Đức	Quyết định số 1431/QĐ-ĐHHD ngày 25/5/2023 về việc phê duyệt CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị khách sạn. Quyết định số 1454/QĐ-ĐHHD ngày 26/5/2023 Về việc mở ngành Quản trị khách sạn trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:  
**Không**

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Thanh Hoá, ngày 29 tháng 6 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Loan**